

# HỢP TÁC CHIA SẼ TÀI NGUYÊN THÔNG TIN GIỮA CÁC THƯ VIỆN ĐẠI HỌC TRONG KỶ NGUYÊN SỐ\*

*Đỗ Văn Hùng\*\**

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này phân tích bối cảnh về đổi mới giáo dục, ứng dụng công nghệ và xu thế mở trong giáo dục đại học dẫn tới nhu cầu hợp tác chia sẻ tài nguyên thông tin giữa các thư viện đại học. Trên cơ sở khảo sát thực trạng học liệu, hoạt động hợp tác chia sẻ tài nguyên thông tin của các thư viện đại học, đồng thời nhận dạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động này, nghiên cứu đề xuất mô hình hợp tác phân tán và gợi ý một số dịch vụ liên thư viện có thể áp dụng cho các thư viện đại học Việt Nam.

**Từ khóa:** Tài nguyên thông tin, Chia sẻ tài nguyên thông tin, Thư viện đại học, Yếu tố tác động, Mô hình hợp tác chia sẻ thông tin, Kỷ nguyên số

## 1. Nhu cầu thúc đẩy hợp tác chia sẻ tài nguyên thông tin

Hợp tác chia sẻ và trao đổi thông tin đang là xu thế chung hiện nay. Xu thế hợp tác này không chỉ diễn ra trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo hay khoa học và công nghệ, mà còn diễn ra ở hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội như khí hậu, môi trường, nông nghiệp, kinh tế, y tế, văn hóa... Trong mỗi lĩnh vực, việc sẻ thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ phát triển, hạn chế rủi ro và tăng cường năng lực cạnh tranh. Trong lĩnh vực giáo dục và khoa học việc chia sẻ thông tin sẽ tạo động lực cho đổi mới, thúc đẩy bình đẳng trong tiếp cận giáo dục và tri thức, đồng thời tăng cường sáng tạo. Giáo dục đại học Việt Nam đã được coi là vùng trũng khi chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển và còn ở phía sau rất xa các nước trong thu vực và thế giới.

Trong bối cảnh đó, đổi mới giáo dục đại học được coi là nhiệm vụ tối quan trọng trong chiến lược phát triển của ngành giáo dục Việt Nam. Có hai vấn đề đổi mới đó là đổi mới về mặt nội dung và đổi mới về quản trị đại học. Đổi mới nội dung liên quan đến xác định rõ triết lý, mục tiêu và nhiệm vụ của giáo dục đại học, thúc đẩy đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo để bắt kịp với đòi hỏi ngày càng khắc nghiệt của thị trường động cũng như cạnh tranh khốc liệt trong môi trường hợp tác quốc tế. Đối với quản trị đại học thì tăng cường tự chủ đại học là một trong mục tiêu quan trọng. Trong đó không chỉ là tự chủ về tài chính, mà còn là tự chủ về chương trình, nội dung đào tạo, tuyển sinh và nguồn nhân lực. Các đại học sẽ chịu trách nhiệm về sản phẩm đào tạo, chủ động hơn trong hoạt động đào tạo và vận hành theo nhu cầu xã hội. Trong bối cảnh này, là một thành tố quan trọng của trường đại học, các thư

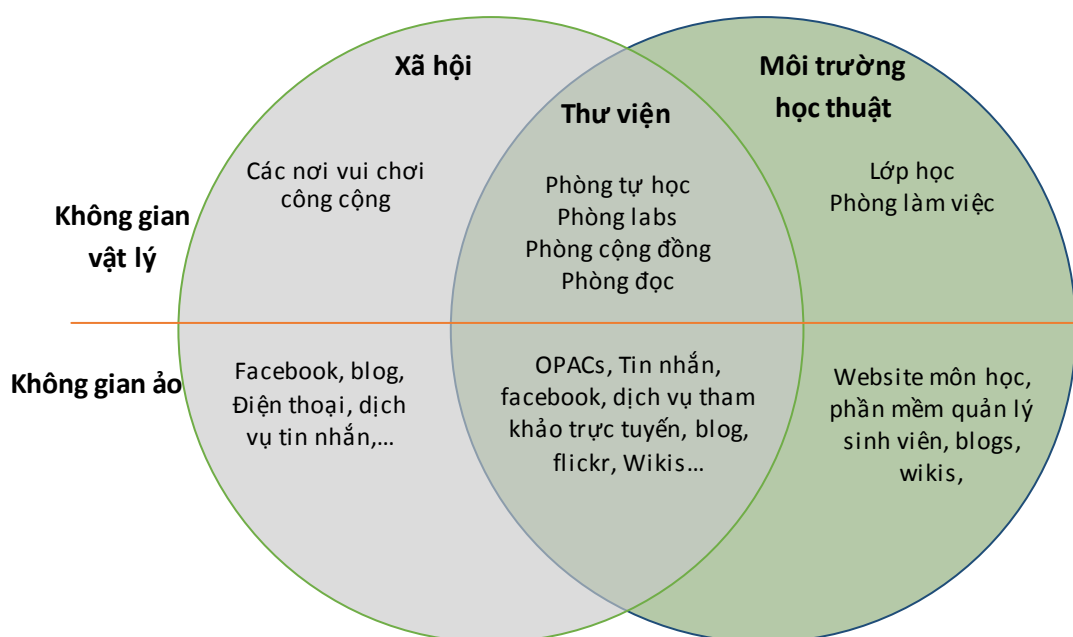
---

\* Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Hà Nội

\*\* Khoa Thông tin – Thư viện, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

viện cũng phải chủ động đổi mới để đáp ứng với nhu cầu phát triển của các trường đại học.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra nhanh chóng trong những năm đầu thế kỷ 21, trong đó công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, nội dung số hay vạn vật kết nối sẽ là những công nghệ chủ đạo. Tất cả thông tin được sản sinh ra đều ở dưới dạng số và việc lưu trữ trực tuyến với thời gian thực, và điện toán đám mây sẽ là xu thế chính. Đại học số (Digital University) hoặc đại học 4.0 (University 4.0), hay giảng dạy 4.0 (teaching 4.0) không còn là khái niệm mới lạ nữa và là mục tiêu để các đại học hướng tới. Lấy người học làm trung tâm (student-centred learning) và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị đại học là xu thế tất yếu. Bên cạnh đó, người học cũng đã có những thay đổi về phương thức tiếp cận giáo dục bởi có sự hỗ trợ của công nghệ. Đó là học từ xa, học trực tuyến, tương tác ảo giữa người học với người học và giữa người học với người dạy, sử dụng tài liệu số, có thể học bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu nếu có một thiết bị đầu cuối có kết nối internet. Có thể khẳng định tài liệu in ấn và các tòa nhà thư viện vẫn tồn tại. Tuy nhiên thư viện ảo với nguồn tài nguyên số sẽ là xu thế chủ đạo của thư viện trong thế kỷ 21. Không gian ảo và không gian vật lý sẽ hỗ trợ cho nhau để cùng thực thi vai trò của thư viện (xem Hình 1). Các thư viện đại học Việt Nam phải bắt kịp với nhịp phát triển của các trường đại học và xu hướng tiếp cận giáo dục của người học. Thực tế trên thế giới cho thấy, thư viện chính là nơi ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ hiện đại nhất cũng như là nơi dẫn dắt sự đổi mới trong ứng dụng công nghệ thông tin của các trường đại học.



Hình 1. Thư viện 2.0 tích hợp mạng xã hội

Xu hướng số hóa, áp dụng công nghệ và hợp tác trong nghiên cứu đang trở thành xu thế phổ biến trong các trường đại học, với sự ra đời của một lĩnh vực digital humanities (DH). DH là sự kết hợp giữa Khoa học máy tính và khoa học nhân văn.

Đối với HD, hợp tác (Collaboration) và tạo lập mạng lưới (Network) chính là yếu tố căn bản nhất, trong đó không chỉ các học giả, các nhà nghiên cứu chia sẻ nghiên cứu cho nhau, mà cộng đồng cũng có thể chia sẻ những ý tưởng về những chủ đề khác nhau, thông qua đó giúp mọi người có thể học hỏi được lẫn nhau và nâng tri thức và sự hiểu biết của mỗi người. Mục tiêu của HD là số hóa tri thức của nhân loại và chia sẻ cho cộng đồng cùng học tập.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, xu thế hợp tác đang diễn ra ngày càng sâu rộng và toàn diện, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục và chia sẻ tri thức. Trong đó giáo dục và tri thức được kỳ vọng sẽ được cung cấp miễn phí và truy cập mở. Các xu thế như giáo dục mở (Open education), học liệu mở (OpenCourseWare - OCW), Khóa học đại trà trực tuyến mở (Massive Open Online Course – MOOC), tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources - OER), truy cập mở (Open Access), xuất bản mở (Open Publishing), và khoa học mở (Open Science) đang được các trường đại học, các tổ chức quốc tế và các chính phủ quan tâm đầu tư. Các tổ chức quốc tế như UNESCO, OECD, WorldBank, IFLA hay UN đang ủng hộ tích cực cho truy cập mở và chia sẻ miễn phí tri thức. Trong bối cảnh giá thành giáo dục ngày càng tăng, bất bình đẳng về thông tin là một vấn đề hiện hữu thì những nỗ lực thúc đẩy tiếp cận giáo dục và tri thức mở sẽ góp phần làm giảm đi tác động xấu của những vấn đề đó. Theo cách tiếp cận này, tất cả những kết quả khoa học được đầu tư từ tiền thuế phải được truy cập và sử dụng miễn phí. Làm được điều này cần có sự hợp tác giữa các thư viện, các trường đại học, các tổ chức quốc tế và đặc biệt là sự hỗ trợ từ các chính phủ.

Thư viện là nơi chuyển giao tri thức sẽ đóng vai trò quan trọng trong xu thế mở và hợp tác chia sẻ tri thức. Sự hợp tác chia sẻ nguồn lực thông tin giữa các thư viện, đặc biệt là thư viện đại học sẽ góp phần thúc đẩy đổi mới giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo và hỗ trợ người dùng tiếp cận đến kho tri thức lớn hơn và đa dạng hơn mà bản thân một thư viện không thể đáp ứng được.

## **2. Khái niệm về hợp tác chia sẻ tài nguyên thông tin**

Thuật ngữ hợp tác giữa các thư viện trong việc cung cấp các dịch vụ và nguồn thông tin được đề cập khá đa dạng. Đó có thể là những thuật ngữ như hợp tác thư viện (library cooperation), mạng lưới thư viện (library networking), liên kết thư viện (library linkages), cộng tác thư viện (library collaboration), cộng đồng thư viện (library consortia), mượn liên thư viện (interlibrary loan), cung cấp tài liệu (document supply), phổ biến tài liệu (document delivery), dịch vụ truy cập (access services). Những thuật ngữ này được sử dụng thay thế lẫn nhau để mô tả một về sự hợp tác, đối tác chính thức hoặc phi chính thức, cũng như các hoạt động chia sẻ thông tin giữa các thư viện. (Hussaini, Owoeye & Anasi, 2010).

Walden (1999) định nghĩa chia sẻ nguồn lực là một thuật ngữ được sử dụng để mô tả nỗ lực có tổ chức của các thư viện nhằm chia sẻ tài liệu và các dịch vụ hợp tác, qua đó cung cấp cho người dùng những nguồn thông tin không có sẵn trong một thư viện đơn lẻ. Nó thể hiện một sự nỗ lực của thư viện nhằm mở rộng khả năng đáp ứng cũng như sự sẵn sàng để đáp ứng thông tin của người dùng, giúp họ với tới những thông tin có tính đặc thù, đắt đỏ mà thư viện không thể có khả năng bổ sung. Mạng lưới chia sẻ thông tin của các thư viện công cộng (the Provincial Resource Sharing Network

Policy for Alberta Public Library Boards) định nghĩa về chia sẻ thông tin là việc sử dụng chung bởi hai hoặc nhiều thư viện về tài sản của nhau, chẳng hạn như trang thiết bị, nhân viên, kiến thức và chuyên môn, và nguồn lực thông tin (Alberta, 2009).

Mặc dù phần lớn việc chia sẻ thông tin được diễn ra ở hai hình thức đó là chia sẻ thông tin thư mục/tài liệu số và trao đổi các tài liệu thông qua mượn liên thư viện, nó còn bao gồm cả nguồn nhân lực, chuyên môn, công nghệ và dịch vụ để biến việc chia sẻ thành hiện thực. Có thể nói, việc chia sẻ thông tin phải dựa trên một hệ giá trị cũng những quy định được đồng thuận giữa các thư viện trong hệ thống. Việc tuân thủ những nguyên tắc cơ bản sẽ kết nối các thư viện với nhau. Những nguyên tắc này là cơ sở cho việc phát triển đối tác, xây dựng các chỉ dẫn, đưa ra các khuôn khổ và tiến trình của việc hợp tác. Đây chính là những yếu tố thiết lập nền móng cho việc đạt được thỏa thuận về chia sẻ thông tin giữa các thư viện.

Rahman (2006) nhấn mạnh mục tiêu và mục đích của việc kết nối và chia sẻ thông tin là: để thúc đẩy và sử dụng tối đa dung lượng miễn phí của các nguồn thông tin; để đảm bảo tiếp cận tốt hơn các nguồn tài nguyên thông tin; để đảm bảo tối đa hóa và làm phong phú các nguồn thông tin; để tiết kiệm tài nguyên và tránh trùng lặp; để đảm bảo cung cấp thông tin nhanh hơn cũng như hỗ trợ người dùng tốt hơn; và để tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi các xuất bản phẩm.

Trong nghiên cứu của mình về chia sẻ tài nguyên thông tin, Vijayakumar và Shrikant đưa ra mục tiêu và lợi ích của chia sẻ thông tin như sau.

*Mục tiêu của chia sẻ thông tin bao gồm:*

- Tạo sự thuận lợi cho người có thể tiếp cận tốt hơn đến các sản phẩm và dịch vụ thông tin trong thư viện.
- Tác động tích cực vào ngân sách của thư viện: sử dụng ngân sách hiệu quả.
- Tăng cường nguồn lực của thư viện phục vụ cho lợi ích của người dùng
- Giúp người dùng nhận thức được là có thể khai thác nguồn thông tin khác ngoài thư viện mà mình đang sử dụng.
- Giúp người dùng dễ dàng truy cập các nguồn thông tin và dịch vụ thông qua web.
- Để bổ sung tài liệu cho sinh viên, giảng viên và học giả thông qua mượn liên thư viện hay những thỏa thuận chia sẻ tài nguyên được hỗ trợ bởi công nghệ thông tin và internet.
- Để ứng dụng công nghệ tiên tiến vào việc chuẩn hóa các mục lục điện tử, đánh chỉ mục các tài liệu in ấn trong thư viện.
- Nhằm tiêu chuẩn hóa các phần mềm, phần cứng, cơ sở dữ liệu, đề xuất chính sách và triển khai các quy định, chuẩn bị tài liệu hướng dẫn cho các hoạt động cũng như đào tạo cán bộ và người dùng.

*Lợi ích của chia sẻ thông tin:*

- Nâng cao dịch vụ thông qua việc truy cập thông tin sẵn có trong các thư viện thành viên trong hệ thống.
- Giảm chi phí và hiệu quả trong đầu tư.
- Thúc đẩy dịch vụ chuyên phát tài liệu.

- Phổ biến thông tin có chọn lọc cũng như nâng cao sự nhận thức về các dịch vụ hiện có.
- Tăng cường sự hợp tác giữa các tổ chức với tổ chức, cá nhân với cá nhân. Thúc đẩy việc chia sẻ tài liệu.
- Nâng cao chất lượng việc mua các nguồn thông tin điện tử và chất lượng quản lý tài liệu trong thư viện.
- Cung cấp các dịch vụ về thư viện và giáo dục.
- Tăng cường giá trị (chất và lượng) của thông tin cho giảng viên và sinh viên, thông qua đó hỗ trợ mệnh của tổ chức.
- Chuẩn hóa các dịch vụ thư viện trên toàn quốc.

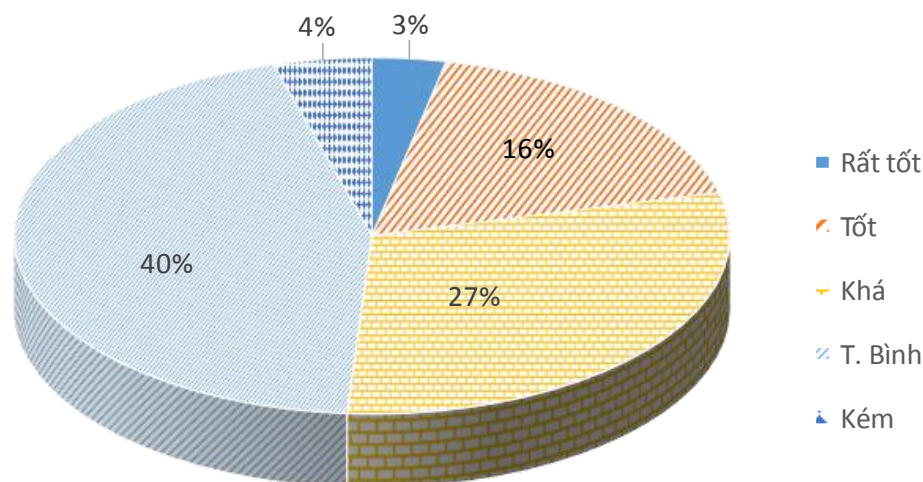
### **3. Thực trạng học liệu tại các thư viện đại học Việt Nam**

Tính đến hết năm 2015, Việt Nam có 445 trường đại học và cao đẳng với 2.118.500 sinh viên và 93.500 giảng viên (GSO, 2016). Theo bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới của Quacquarelli Symonds (QS) năm 2016, Việt Nam không có trường đại học nào lọt vào top 1000, còn trong bảng xếp hạng 350 trường đại học Châu Á, Việt Nam có trường đại học xếp hạng cao nhất là Đại học Quốc gia Hà Nội - vị trí 139 (QS, 2016). Có thể thấy có khoảng cách khá xa giữa các trường đại học Việt Nam với các trường đại học trong khu vực và thế giới. Nâng cao chất lượng đào tạo bắt kịp với chất lượng quốc tế và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về nhu cầu học tập và nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội là những mục tiêu quan trọng của giáo dục đại học Việt Nam trong giai đoạn này. Đây cũng chính là cơ hội và thách thức để các thư viện đại học khẳng định vai trò của mình là thành tố quan trọng trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu của trường đại học.

Tình trạng học chay, dạy chay và nghiên cứu chay vẫn còn xuất hiện trong các trường đại học. Nói cách khác có những giảng viên và sinh viên không đến thư viện hoặc không sử dụng học liệu trong thư viện cũng có thể hoàn thành việc dạy, học và nghiên cứu của mình. Có thể chỉ ra hai nguyên nhân của thực trạng này. Thứ nhất, đó là phương pháp dạy và học vẫn chưa thực sự thay đổi. Sinh viên chỉ cần một cuốn giáo trình của thầy có thể học và thi trả môn với kết quả tốt. Giảng viên không chủ động giới thiệu các cuộc học liệu cho sinh viên, bên cạnh đó không đặt tiêu chí đọc và tìm hiểu, tổng hợp tài liệu liên quan đến môn học là một tiêu chí quan trọng để đánh giá quá trình học và kết quả học của sinh viên. Thứ hai, các thư viện đại học đang thực sự thiếu nguồn học liệu để phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học. Đặc biệt là nguồn tài liệu chuyên ngành, có tính cập nhật đang bị đánh giá là thiếu. *Theo khảo sát mới nhất của chúng tôi năm 2016, bình quân mỗi giảng viên và sinh viên chỉ có 3 cuốn sách.* Đây thực sự là một con số khiêm tốn về năng lực phục vụ của các thư viện đại học. Điều này dẫn đến tình trạng giảng viên và sinh viên phải tìm đến nguồn tài liệu là bên ngoài thư viện hoặc tìm kiếm trên internet để phục vụ mục đích công việc của mình.

Thư viện đại học đang bị đánh giá thấp về năng lực và chất lượng phục vụ. Theo khảo sát của chúng tôi thực hiện đầu năm 2014 với 30 trường đại học trên cả nước, các thư viện đại học chưa làm thỏa mãn nhu cầu học liệu của người dùng tin. *Chỉ có 19% người dùng đánh giá là thư viện phục vụ tốt nhu cầu của họ. Trong khi đó 81%*

người dùng đánh giá các thư viện có chất lượng sản phẩm và dịch vụ từ khá trở xuống, đặc biệt 44% đánh giá trung bình và kém đối với hoạt động phục vụ của thư viện (xem Biểu đồ 1). Đây chính là con số các thư viện cần nhìn nhận thẳng thắn nếu muốn nâng cao chất lượng hoạt động của mình trong việc đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu khoa học của các trường đại học.



Biểu đồ 1. Đánh giá của người dùng về sản phẩm và dịch vụ của các thư viện đại học (Đỗ, 2015b)

Các trường đại học Việt Nam đang trong quá trình đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo (BCHTW, 2013). Trong đó hướng tới lấy người học làm trung tâm, khuyến khích tự học, đẩy mạnh tư duy sáng tạo, và đặc biệt là đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học - xây dựng đại học nghiên cứu. Một trong những yếu tố quan trọng tác động trực tiếp đến những mục tiêu này đó là nguồn học liệu hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Việc các thư viện không đáp ứng tốt nhu cầu về tài liệu phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các trường đại học đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của các hoạt động này. Okeagu (2008) khẳng định rằng thực tế không có một thư viện nào có thể đáp ứng được đầy đủ nhu cầu về tài liệu của bạn đọc cho dù thư viện đó có nguồn kinh phí bổ sung tài liệu tốt đến đâu (Okeagu, 2008). Đặc biệt, trong điều kiện như Việt Nam hiện nay, kinh phí cho bổ sung tài liệu còn rất hạn chế, vấn đề thiếu hụt nguồn học liệu vẫn chưa có lời giải. Do vậy, hợp tác chia sẻ học liệu được xem là một trong những giải pháp hữu hiệu để giúp các thư viện khắc phục hạn chế này.

Tuy nhiên khảo sát chỉ ra rằng thực trạng hợp tác và chia sẻ thông tin giữa các thư viện chưa thực sự được triển khai rộng rãi, mặc dù đã có manh nha sự hợp tác (xem Bảng 1).

Bảng 1. Thực trạng chia sẻ thông tin giữa các thư viện đại học

Các hoạt động chia sẻ thông tin/học liệu giữa các thư viện	Chưa bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Luôn luôn
Mượn liên thư viện (trực tiếp cung cấp/mượn tài	36%	20%	25%	15%	5%

liệu với các thư viện bạn khi có yêu cầu/ nhu cầu)					
Hợp tác với các thư viện khác trong việc xây dựng các cơ sở dữ liệu tra cứu dùng chung	39%	11%	34%	10%	5%
Thực hiện việc mượn trả, đặt yêu cầu từ các thư viện khác bằng phần mềm mượn liên thư viện	69%	12%	14%	5%	0%
Cho phép tra cứu liên thư viện (ví dụ Z39.50): máy chủ của thư viện khác tìm trong CSDL của thư viện	28%	7%	26%	22%	17%
Hợp tác với các thư viện khác trong việc khai thác dùng chung tài nguyên số do thư viện xây dựng.	33%	18%	27%	12%	10%
Hợp tác cùng mua các cơ sở dữ liệu toàn văn từ các nhà cung cấp quốc tế	22%	14%	36%	24%	5%
Cho phép bạn đọc của trường khác đến thư viện mình khai thác tài liệu (khi được giới thiệu)	8%	2%	36%	21%	33%

Số liệu cho thấy với sự áp dụng của công nghệ, các thư viện đã tiến hành hợp tác tra cứu liên thư viện, tuy nhiên hoạt động này chưa phổ biến (22% thư viện đã thường xuyên thực hiện dịch vụ này). Bên cạnh đó việc hợp tác mua các tài nguyên số cũng đã được bắt đầu (với 12% các thư viện đã thực hiện). Còn lại phần lớn trên 70% các thư viện chưa bao giờ thực hiện bất kỳ một giao dịch liên thư viện nào (như chia sẻ tài liệu, tra cứu liên thư viện, hợp tác khai thác hoặc mua dữ liệu số, giới thiệu bạn đọc đến thư viện khác, xây dựng các dịch vụ dùng chung). Qua con số thống kê này có thể thấy một thực tế các thư viện đại học Việt Nam chưa thực sự tham gia vào xu thế hợp tác và phát triển – xu thế hiện đang diễn ra sâu rộng trong các ngành nghề, ở mỗi quốc gia, khu vực và trên thế giới. Điều này càng thúc đẩy các thư viện đại học cần phải tiến hành đổi mới và hợp tác chia sẻ thông tin.

#### 4. Các yếu tố tác động đến chia sẻ tài nguyên thông tin giữa các thư viện đại học

Trong nghiên cứu này chúng tôi tập trung phân tích các yếu tố tác động đến sự tham gia của các thư viện trong việc hợp tác chia sẻ nguồn lực thông tin. Các yếu tố này có thể là yếu tố tích cực (enabling factor) hoặc yếu tố tiêu cực (hindering factor), đôi khi một yếu tố cũng mang cả mặt tích cực và tiêu cực.

##### 4.1 Nhu cầu của người dùng và thói quen sử dụng thông tin

Nhu cầu thông tin của người dùng là yếu tố quan trọng nhất để thúc đẩy các thư viện phải có giải pháp nâng cao số lượng và chất lượng thông tin của mình, trong đó có việc thúc đẩy các thư viện phải hợp tác với nhau. *Khảo sát cho thấy 70% sinh viên cho rằng thư viện chỉ đáp ứng một phần hoặc đáp ứng rất ít nhu cầu về tài liệu họ cần.* Điều đó cho thấy thư viện chưa đáp ứng được nhu cầu tài liệu của người học. Điều này lý giải tại sao có tới 64% sinh viên thường xuyên sử dụng tài liệu trên internet làm nguồn tài liệu tham khảo cho việc học tập, và họ khẳng định sử dụng nguồn thông tin trên internet nhiều trong thư viện cho mục đích học tập. Có thể thấy sử dụng tài liệu số và khai thác trực tuyến đang là xu thế của người học hiện nay, với 65% sinh viên khẳng định việc này. Tuy nhiên có một nguy cơ đó là sinh viên không

quan tâm nhiều đến chất lượng và nguồn gốc của thông tin mà họ tìm được trên internet, với 41% sinh viên khẳng định họ không quan tâm đến nguồn và tác giả tài liệu trên internet. Điều này là không thể chấp nhận trong môi trường học thuật nhưng thực tế vẫn đang xảy ra. Nếu như thư viện làm tốt vai trò của mình, thì người học luôn nhận được nguồn thông tin đã qua kiểm định – đó là tài nguyên thông tin có trong các thư viện hoặc được thư viện thu thập và giới thiệu.

Việc thư viện hỗ trợ sinh viên mượn tài liệu liên thư viện cũng rất hạn chế, chỉ có 3% sinh viên khẳng định thư viện đã hỗ trợ họ mượn liên thư viện. Dịch vụ hỗ trợ, thông tin tham khảo trong thư viện được đánh giá là chưa được tốt, không đáp ứng nhu cầu của sinh viên (57% cho rằng dịch vụ này chưa tốt). Chính vì vậy 63% sinh viên rất cần sự trợ giúp của cán bộ thư viện trong việc tìm kiếm tài liệu và sử dụng tài liệu trong thư viện.

Việc không sử dụng tài liệu trong thư viện cũng có một nguyên nhân từ phương pháp giảng dạy và học tập hiện nay trong trường đại học. Với cách giảng dạy hiện tại, sinh viên cho rằng họ không cần phải đọc thêm tài liệu ngoài bài giảng giáo trình thầy cô cung cấp, và họ không cần phải đọc nhiều. Họ chỉ sử dụng tài liệu khi sắp đến kỳ thi. Có thể thấy họ học vì thi cử chứ chưa vì kiến thức chuyên môn. Bên cạnh đó việc bỏ quá nhiều thời gian trên giảng đường để nghe giảng khiến sinh viên cũng bị hạn chế thời gian tự học và tự đọc.

Từ thực trạng trên có thể thấy, thư viện cần tăng cường năng lực cung cấp thông tin của mình, đồng thời cũng là nhân tố tích cực để thúc đẩy đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập trong trường đại học, thúc đẩy nhu cầu đọc của người học. Hợp tác chia sẻ thông tin sẽ giúp các thư viện thực thi nhiệm vụ này. 95% người được hỏi cho rằng nhu cầu thông tin ảnh hưởng và rất ảnh hưởng đến hoạt động chia sẻ thông tin giữa các thư viện.

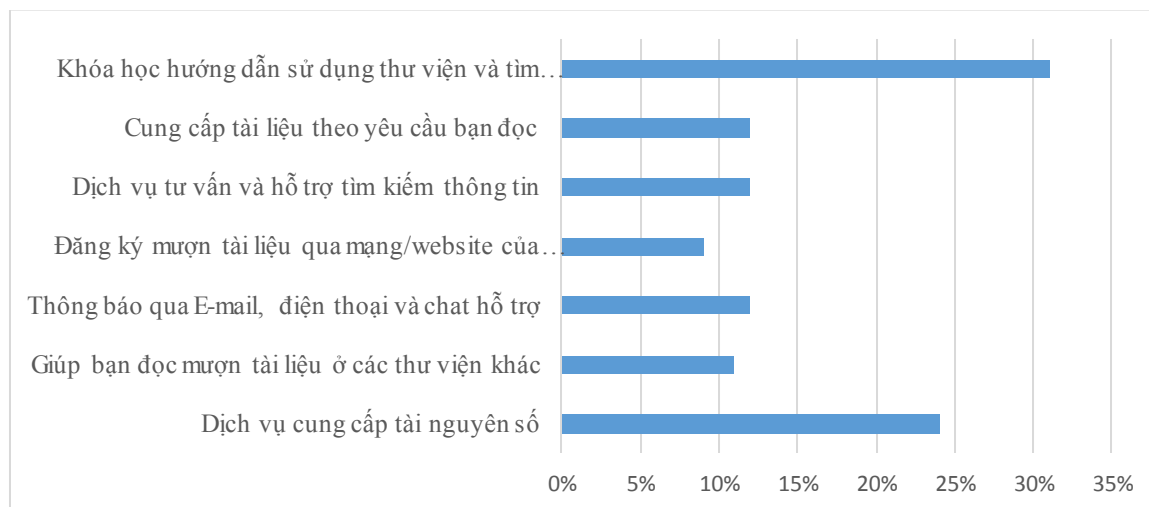
#### **4.2. Nguồn lực thông tin và các dịch vụ thư viện**

Nguồn lực thông tin được coi là nhân tố trung tâm của hoạt động trao đổi và chia sẻ thông tin và các dịch vụ thư viện sẽ là cơ sở để thúc đẩy việc chia sẻ nguồn lực này. Như đã phân tích ở mục 3 (xem mục 3. *Thực trạng học liệu tại các thư viện đại học Việt Nam* để biết thêm chi tiết) có thể thấy các thư viện đại học chưa đáp ứng tốt nhu cầu tài liệu của người dùng trong trường đại học. Đây chính là động lực để các thư viện tìm kiếm giải pháp tăng cường nguồn lực thông tin. Trong khi nguồn kinh phí cho bổ sung luôn là hạn chế thì việc tìm kiếm nguồn tài nguyên thông tin thay thế là điều cần thiết. Có hai hướng cho vấn đề này là tìm kiếm các nguồn tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources - OER) và hợp tác chia sẻ thông tin giữa các thư viện. Các thư viện cũng có thể hợp tác để cùng nhau phát triển tài nguyên giáo dục mở và chia sẻ cho cộng đồng dùng chung.

Yếu tố nguồn lực thông tin còn ảnh hưởng một cách tiêu cực đến hoạt động chia sẻ thông tin giữa các thư viện. Cụ thể 77% cán bộ thư viện cho rằng sự không đồng đều về nguồn học liệu giữa các thư viện sẽ cản trở đến sự hợp tác chia sẻ nguồn lực thông tin. Một thư viện với sự đầu tư lớn và nguồn lực phong phú sẽ không sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin với thư viện hạn chế hơn mình về nguồn lực thông tin. Đây là một thực tế không dễ khắc phục.



Khảo sát cũng cho thấy các dịch vụ của thư viện có hỗ trợ khai thác liên thư viện còn hạn chế. Các thư viện chưa sẵn sàng các dịch vụ hướng tới cung cấp thông tin số và liên thư viện (xem Biểu đồ 2).

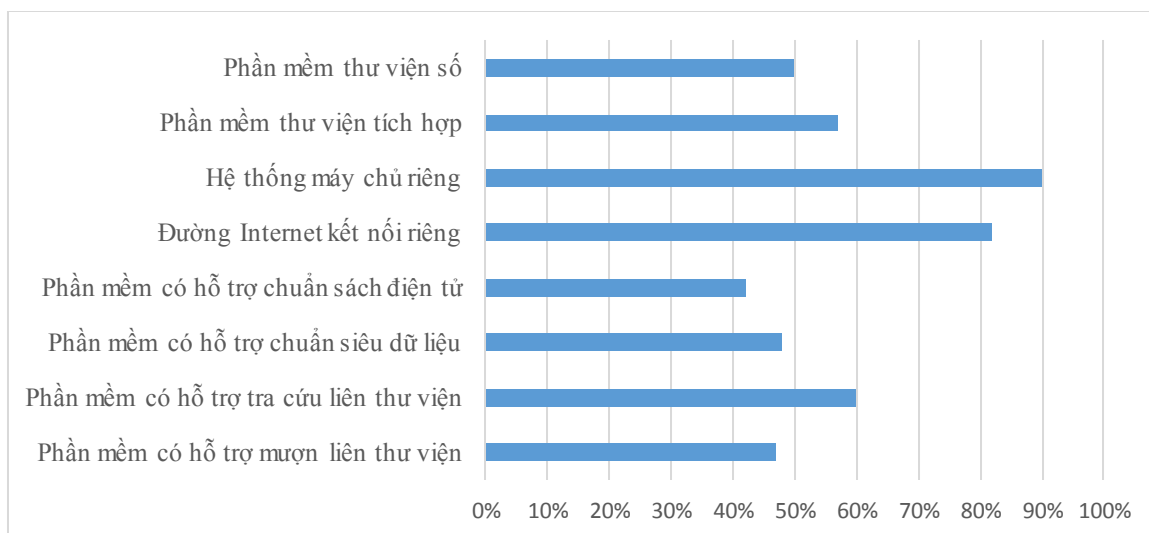


*Biểu đồ 2: Một số dịch vụ điển hình trong thư viện*

Theo số liệu điều tra chỉ có 12% các thư viện đã từng giúp bạn đọc mượn tài liệu liên thư viện. Tuy nhiên việc này chỉ diễn ra trong phạm vi các thư viện có sự liên quan về mặt quản lý hành chính, và người dùng vẫn phải trả phí cho dịch vụ này. Ví dụ như các thư viện của các trường đại học thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (UEL, 2016). Việc hỗ trợ người dùng tra cứu liên thư viện về mặt công nghệ hầu hết các thư viện đã hỗ trợ, nhưng thực tế chức năng này không hoạt động hoặc hoạt động rất hạn chế. Có 2 lý do cho việc này đó là: (1) các thư viện không mở cổng máy chủ để có thể kết nối tra cứu liên thư viện (ví dụ theo giao thức Z39.50); (2) nếu có tra cứu được thì người dùng cũng không biết tiếp cận như thế nào nguồn tài liệu do các thư viện chưa thực sự hỗ trợ mượn liên thư viện. Bên cạnh đó các dịch vụ cung cấp tài nguyên số, hỗ trợ trực tuyến qua email và chat, dịch vụ tư vấn tìm kiếm thông tin, cung cấp tài liệu theo yêu cầu, hay đăng ký mượn tài liệu qua mạng,... chưa được triển khai phổ biến tại các thư viện. Tỷ lệ cung cấp các dịch vụ này tại các thư viện chưa quá 20%. Như vậy có thể thấy, để hợp tác chia sẻ nguồn lực thông tin giữa các thư viện thì công việc cần làm là xây dựng các dịch vụ liên thư viện.

### **4.3. Hạ tầng công nghệ**

Sau gần 2 thập kỷ đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, có thể thấy thư viện đại học đã cơ bản tạo lập một cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) khá tốt (xem Biểu đồ 3). Có 90% thư viện có máy chủ và 82% thư viện có đường kết nối internet riêng. Hầu hết các thư viện đã ứng dụng phần mềm thư viện tích hợp và thư viện số vào quản lý hoạt động nghiệp vụ và nguồn tài nguyên thông tin của mình. Các phần mềm cũng đã hỗ trợ các chuẩn mượn liên thư viện, tra cứu liên thư viện. Đây chính là những nền tảng cơ bản cho hoạt động tự động hóa và chia sẻ tài nguyên thông tin.



**Biểu đồ 3.** Biểu đồ về ứng dụng CNTT của các thư viện

Tuy nhiên có một thực tế là cơ sở hạ tầng đầu tư tốt nhưng dịch vụ giá trị gia tăng dựa trên các công nghệ này chưa thực sự nhiều. Dịch vụ tốt nhất và có lẽ là duy nhất có dấu ấn công nghệ đó là tra cứu trực tuyến nhanh hơn và chính xác hơn. Ứng dụng công nghệ chưa thực sự giúp thư viện “trực tuyến” với người sử dụng. Hạn chế này thể hiện như: khai thác tài liệu số đang còn rất hạn chế; yêu cầu mượn trực tuyến hầu cũng như gia hạn trực tuyến chưa triển khai, người dùng hầu như không có tài khoản khai thác thư viện (thay vào đó chỉ là thẻ mượn tài liệu); hỗ trợ người dùng qua tin nhắn hay chat còn rất mới với thư viện; tra cứu liên thư viện chưa được triển khai vào thực tế. Những hạn chế này thực sự là một lãng phí về nguồn lực mà các thư viện cần phải khắc phục và cần có chiến lược sử dụng công nghệ một cách hiệu quả để mang lại lợi ích thiết thực cho người sử dụng.

#### 4.4. Vai trò của người quản lý và cơ chế chính sách

Việc định hướng chiến lược và tạo lập môi trường thuận lợi cho thư viện phát triển bị ảnh hưởng trực tiếp đến tư duy của nhà quản lý và hoạch định chính sách của cơ quan nhà nước cũng như sự phối hợp và dẫn dắt của các hội nghề nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy 96% người được hỏi cho rằng vai trò của người quản lý đóng vai trò quan trọng trong hoạt động hợp tác chia sẻ nguồn lực thông tin.

Ở cấp trường, lãnh đạo các trường đại học đóng vai trò quyết định đến việc chia sẻ hay không chia sẻ học liệu. Tuy nhiên lãnh đạo thư viện sẽ đóng vai trò tham vấn cho lãnh đạo trường ra quyết định. Để ra được quyết định cấp trường cần hai yếu tố: (1) lãnh đạo trường nhận thức được tầm quan trọng của học liệu trong việc đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng đào tạo, và (2) lãnh đạo thư viện cần cung cấp đầy đủ các cơ sở pháp lý, kỹ thuật và các vấn đề có liên quan đến chia sẻ nguồn học liệu.

Các hội nghề nghiệp là đơn vị kết nối giữa các thư viện thành viên. Cụ thể tại Việt Nam là Hội thư viện Việt Nam, hai Liên chi hội thư viện đại học khu vực phía Bắc và phía Nam (sau đây gọi chung là hội nghề nghiệp). Các hội nghề nghiệp có vai trò thúc đẩy sự hợp tác của các thư viện, trong đó có hợp tác chia sẻ thông tin. Hội

nghe nghiệp tạo lập môi trường hợp tác và tin tưởng đồng thời tổ chức các diễn đàn trao đổi và hợp tác để các thư viện tìm được tiền nói và lợi ích chung.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan quản lý trực tiếp các trường đại học sẽ xây dựng cơ sở nền tảng về chính sách và pháp lý cho hoạt động hợp tác của các trường đại học. Hợp tác chia sẻ tài nguyên thông tin giữa các thư viện đại học có lợi ích mang tính quốc gia đó là nâng cao chất lượng và tăng cường số lượng học liệu cho giáo dục đại học và giảm thiểu đầu tư dàn trải, trùng lặp trong việc bổ sung và mua sắm học liệu ở các trường đại học Việt Nam. Việc quan trọng nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo có được một văn bản hướng dẫn việc hợp tác chia sẻ học liệu giữa các trường đại học, coi đây là hoạt động bắt buộc và có những chế tài cụ thể để khuyến khích và cũng như đánh giá hiệu của hoạt động hợp tác này.

#### **4.5. Vấn đề bản quyền và sở hữu trí tuệ**

Có thể nói việc thực thi bản quyền tác giả cũng như các vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ tại các thư viện là còn hạn chế. Có 93% người được hỏi khẳng định việc thực thi bản quyền tác giả yếu ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động chia sẻ tài nguyên thông tin giữa các thư viện.

Việc thực thi bản quyền tác giả yếu kém tác động ở hai khía cạnh. Thứ nhất là đối với người dùng cá nhân, một số đơn vị kinh doanh ấn phẩm xuất bản (cả in ấn và số) thì việc sao chép không tuân thủ bản quyền, sử dụng không quan tâm đến bản quyền tác giả dẫn đến tâm lý/thói quen khi có nhu cầu thì sao chép, hoặc mua với giá rẻ như giá photocopy, mà không cần phải mượn liên thư viện hay tìm đến bản gốc. Thói quen này cần được loại bỏ trong một xã hội văn minh, đặc biệt là khi Việt Nam đang trong quá trình hội nhập sâu rộng vào sân chơi quốc tế.

Ở một mặt khác việc không tuân thủ bản quyền dẫn đến tâm lý lo ngại của các thư viện khi thực hiện việc trao đổi chia sẻ tài nguyên, đặc biệt là các tài nguyên số. Theo khảo sát hầu hết các thư viện đã số hóa một phần hoặc toàn bộ nguồn tài liệu nội sinh (luận văn, luận án, kết quả nghiên cứu, bài giảng, giáo trình) tuy nhiên sẽ vẫn chưa cho phép khai thác trực tuyến, cũng như không cấp quyền cho bạn đọc ngoài thư viện có thể khai thác (mặc dù có trả phí). Lý do các thư viện đưa ra là việc thỏa thuận bản quyền với tác giả rất phức tạp và mất thời gian, bên cạnh đó là sợ bị sao chép toàn bộ tài nguyên nếu mở ra. Như vậy với việc chia sẻ tài nguyên số lại càng khó khăn hơn.

#### **4.6. Vai trò của nguồn nhân lực/cán bộ thư viện**

Trong nghiên cứu của mình Rabiou và Obaje (2012) khẳng định vai trò quan trọng của cán bộ thư viện trong việc chia sẻ tài nguyên thông tin trong xã hội thông tin. Việc chia sẻ thông tin sẽ phụ thuộc vào công nghệ, những để thành công thì yếu tố con người lại đóng vai trò quyết định, điều này được khẳng định thông qua khảo sát với 90% người được hỏi ủng hộ tầm quan trọng của cán bộ thư viện. Khảo sát cũng cho thấy 99% cán bộ thư viện ủng hộ và sẵn sàng tham gia hoạt động chia sẻ thông tin nếu thư viện triển khai các dịch vụ liên quan.

Cán bộ thư viện là hỗ trợ người dùng truy cập đến các dịch vụ và nguồn tài nguyên thông tin: thông qua hệ thống mục lục trực tuyến, các cơ sở dữ liệu chỉ mục, cơ sở dữ liệu toàn văn; kết nối người dùng trong phạm vi quốc gia, khu vực và thế giới; đảm bảo về học liệu cho sinh viên, giảng viên thông mượn liên thư viện và các nguồn học liệu khác được hỗ trợ bởi công nghệ thông tin và truyền thông (ICT).

Ngoài hỗ trợ người dùng, cán bộ thư viện sẽ là người triển khai và duy trì cơ sở hạ tầng ICT của thư viện, bao gồm: hệ thống phần mềm, hạ tầng phần cứng, hệ thống quản lý kết nối và hiệu quả sử dụng băng thông của thư viện; là chuyên gia hỗ trợ để đảm bảo người dùng truy cập chính xác và nhanh chóng đến tất cả các nguồn tài nguyên trong thư viện.

Một trong những thuật lợi để chia sẻ tài nguyên thông tin là các thư viện đại học có trình độ cán bộ khá cao. 61% cán bộ thư viện có trình độ cử nhân và 38% cán bộ là thạc sĩ. Kết hợp với nhận thức của cán bộ về tầm quan trọng của chia sẻ tài nguyên thông tin, có thể thấy yếu tố nhân lực là một yếu tố sẽ thúc đẩy hoạt động hợp tác chia sẻ thông tin giữa các thư viện.

#### 4.7. Sự sẵn sàng tham gia của các thư viện

Sự sẵn sàng tham gia được xem xét dưới hai khía cạnh: (1) sự ủng hộ của lãnh đạo và cán bộ thư viện đối với hoạt động hợp tác chia sẻ; (2) và sự sẵn sàng về chính sách, cán bộ thư viện, nguồn học liệu và cơ sở hạ tầng của các thư viện cho việc chia sẻ tài nguyên thông tin.

Có 91% lãnh đạo thư viện khẳng định thư viện của họ có nhu cầu hợp tác chia sẻ thông tin, và 99% cán bộ thư viện ủng hộ sự hợp tác chia sẻ thông tin giữa các thư viện và sẽ tham gia tích cực hoạt động này khi có yêu cầu. Như vậy có thể thấy về mặt nhận thức, cán bộ thư viện và lãnh đạo đã nhận thức rõ được tầm quan trọng của hợp tác chia sẻ nguồn lực thông tin và sẵn sàng thúc đẩy hoạt động này. Đây chính là yếu tố tích cực cho hoạt động hợp tác của các thư viện.

Khảo sát cho thấy 83% các thư viện đại học khẳng định sẵn sàng tham gia hợp tác chia sẻ thông tin. Sự sẵn sàng này được thể hiện qua những con số trong **Bảng 2**.

**Bảng 2.** Lãnh đạo thư viện đưa ra ý kiến về khả năng hợp tác giữa các thư viện

Đánh giá về khả năng tham gia hợp tác chia sẻ thông tin của thư viện	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Rất đồng ý
Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của thư viện đã đáp ứng/sẵn sàng cho việc hợp tác chia sẻ thông tin	8%	8%	0%	67%	17%
Số lượng và chất lượng của cán bộ thư viện đủ để triển khai các hoạt động hợp tác chia sẻ thông tin	8%	0%	8%	58%	25%
Các nguồn học liệu, các dịch vụ của thư viện luôn sẵn sàng để hợp tác chia sẻ thông tin	0%	0%	9%	73%	18%

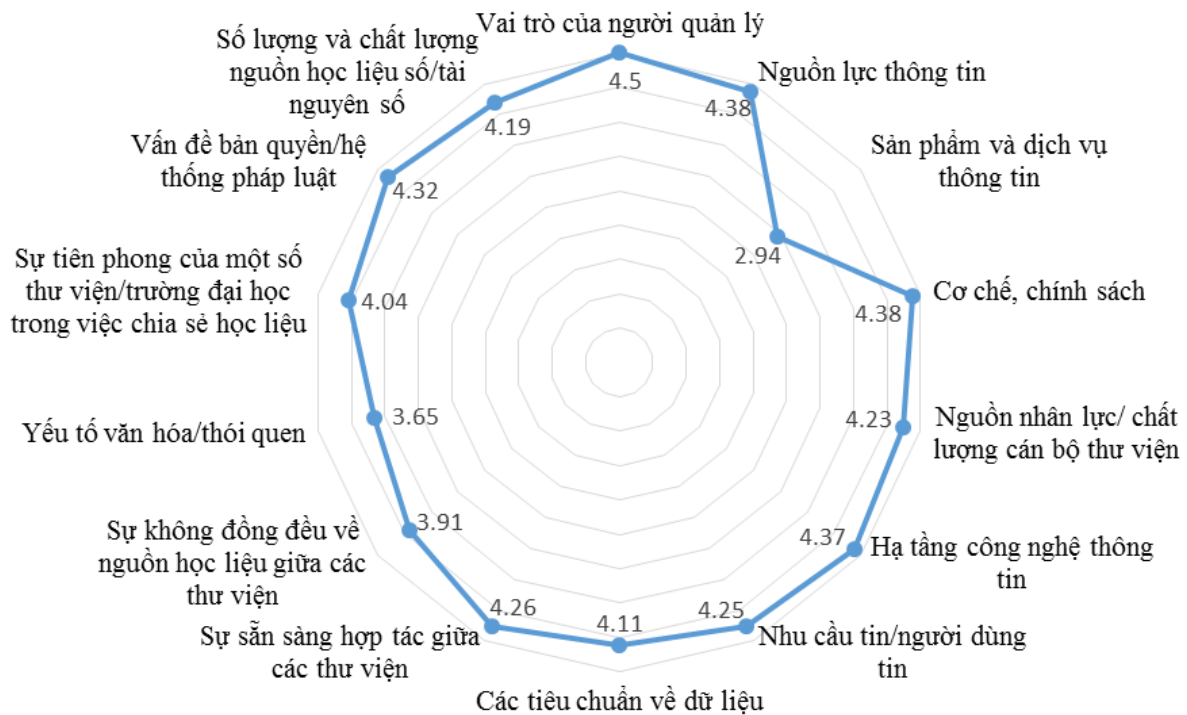
Đã có những chính sách và sự ủng hộ của cán bộ thư viện trong việc hợp tác chia sẻ thông tin	0%	0%	33%	42%	25%
--	----	----	-----	-----	-----

Qua bảng số liệu có thể thấy các thư viện đã khẳng định sự sẵn sàng hợp tác. Cụ thể hơn 80% các thư viện đều khẳng định thư viện của họ đã sẵn sàng về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, nguồn học liệu và chính sách để thư viện việc chia sẻ thông tin. Tuy nhiên một câu hỏi đặt ra là tại mọi thứ gần như đã sẵn sàng nhưng hoạt động hợp tác chia sẻ vẫn không thể triển khai một cách bài bản? Câu trả lời có lẽ nằm ở chính ở động lực thúc đẩy sự chia sẻ. Rõ ràng các thư viện có nhu cầu, có điều kiện đầy đủ nhưng vẫn không triển khai các dịch vụ mượn liên thư viện. Bởi động lực để phục vụ người dùng, mong muốn đóng góp cho sự phát triển của bản thân các trường đại học chưa thực sự cao. Các thư viện vẫn đang ở vùng an toàn - “safe zone” khi mà đầu tư cho thư viện vẫn được đảm bảo, và sức ép chưa thực sự lớn từ các bộ phận trong trường đại học chưa thực sự cao với thư viện.

#### 4.8 Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố

Trong các phần trên chúng tôi phân tích một số yếu tố tác động cơ bản đến hợp tác chia sẻ thông tin giữa các thư viện đại học. Trong phần này chúng tôi đánh giá tổng thể chỉ số tác động của 14 yếu tố. **Biểu đồ 4** Mô tả chỉ số tác động của 14 yếu tố này, trong đó mức 1 là tác động thấp nhất và mức 5 là tác động cao nhất. Đánh giá tổng thể có thể thấy tất cả các yếu tố đều có sự tác động ở mức cao và rất cao, thấp nhất là 2.94 đến cao nhất là 4.5. Chúng tôi chia các yếu tố này thành 3 nhóm dựa theo mức độ ảnh hưởng và tính chất của chúng.

Nhóm các yếu tố có sự tác động cao nhất đó là: vai trò của người quản lý (4.5), cơ chế chính sách (4.38), nguồn lực thông tin (4.38), hạ tầng công nghệ thông tin (4.7) và vấn đề bản quyền/hệ thống pháp luật (4.32). Thực tế cho thấy những nút thắt và vướng mắc chính cho sự phát triển luôn nằm ở cơ chế chính sách và vai trò đầu tàu của người quản lý/đơn vị dẫn đầu. Đây là hai vấn đề có thể là rào cản trực tiếp cho hoạt động hợp tác chia sẻ nếu chúng ta không khai phóng được. Qua đây một phần lý giải tại sao chúng ta có đầy đủ điều kiện để chia sẻ nhưng vẫn chưa thể triển khai được vào thực tiễn. Ba yếu tố mang tính căn bản cho hoạt động chia sẻ là nguồn lực thông tin, hạ tầng công nghệ và vấn đề bản quyền luôn – đây luôn là những vấn đề cốt lõi của thư viện. Muốn chia sẻ phải có thông tin, và thông tin muốn chia sẻ được phải thông qua một nền tảng công nghệ thông tin cũng như được đảm bảo về bản quyền và sở hữu trí tuệ. Đây chính là những yếu tố tích cực thúc đẩy sự phát triển của hoạt động chia sẻ thông tin giữa các thư viện.



**Biểu đồ 4.** Đánh giá mức độ tác động của các yếu tố đến hoạt động chia sẻ thông tin

Nhóm các yếu tố có tác động thứ mức độ thấp hơn đó là nguồn nhân lực (4.23), nhu cầu thông tin của người dùng (4.25), sự sẵn sàng hợp tác giữa các thư viện (4.26), nguồn học liệu số (4.19), các tiêu chuẩn dữ liệu (4.11) và sự tiên phong của các thư viện/trường đại học trong việc chia sẻ thông tin (4.04). Trong bất kỳ hoạt động nào thì vai trò của người cán bộ thư viện luôn quan trọng. Họ quyết định sự thành bại của một dịch vụ thông tin và cao hơn là chất lượng hoạt động của thư viện. Công nghệ thông tin là công cụ, con người mới là yếu tố nền tảng cho sự phát triển.

Bên cạnh đó, trong bất kỳ hoạt động nào, sự tiên phong của tổ chức, một cá nhân - thường gọi là nhân tố thay đổi (change agent) luôn cần thiết. Để hoạt động chia sẻ thông tin triển khai vào thực tế, rất cần một hoặc nhóm các thư viện tiên phong sẵn sàng chia sẻ nguồn lực của mình, làm động lực cho các thư viện khác đi theo xu hướng này.

Một yếu tố có tác động tiêu cực đến hoạt động hợp tác chia sẻ đó là văn hóa hợp tác. Chúng ta có truyền thống tương trợ, chia sẻ trong cuộc sống, tuy nhiên trong công việc sự hợp tác và phối hợp rất kém. Điều này cũng lý giải tại sao mặc dù có đầy đủ điều kiện để cho việc chia sẻ nhưng việc hợp tác là rất khó khăn, hoặc có sự hợp tác nhưng không diễn ra lâu bền. Tuy nhiên với xu hướng quốc tế hóa ngày càng cao, giao thoa văn hóa Đông-Tây cùng với nhu cầu cấp thiết từ phía người dùng thì mặt hạn chế của yếu tố này sẽ dần được khắc phục.

## 5. Mô hình hợp tác chia sẻ tài nguyên thông tin

### 5.1. Mô hình hợp tác tập trung - Centralised model



Mô hình khai thác tập trung được coi là mô hình hướng tới người sử dụng. Điểm mấu chốt của mô hình phối hợp này là tạo lập một cổng thông tin dùng chung cho cộng đồng người sử dụng của các thư viện tham gia hợp tác (*xem Hình 2*)



Đặc điểm của mô hình này là sự hợp tác rất cao cả về tạo lập dữ liệu và cung cấp các dịch vụ. Các thư viện tham gia hợp tác sẽ cùng nhau xây dựng một cơ sở dữ liệu dùng chung và cùng cung cấp các dịch vụ thư viện (có tính liên thông trong hệ thống) thông qua một cổng thông tin. Cổng thông tin này được quản lý bởi một trong số các thư viện thành viên, hoặc cũng có thể là một đơn vị độc lập hoặc bên thứ 3 với nhiệm vụ đơn thuần là quản trị về mặt kỹ thuật và duy trì hoạt động của cổng thông tin.

Ưu điểm của mô hình tập trung là: phục vụ người dùng được thông suốt, *chính sách của các thư viện là thống nhất*, thông tin và dữ liệu có tính duy nhất, không trùng lặp, dị bản; hoạt động của hệ thống xuyên suốt và ít trở ngại; truy cập thông tin nhanh và chính xác, do người chỉ cần kết nối với cổng thông tin chung là được; việc duy trì, bảo trì hệ thống được dễ dàng.

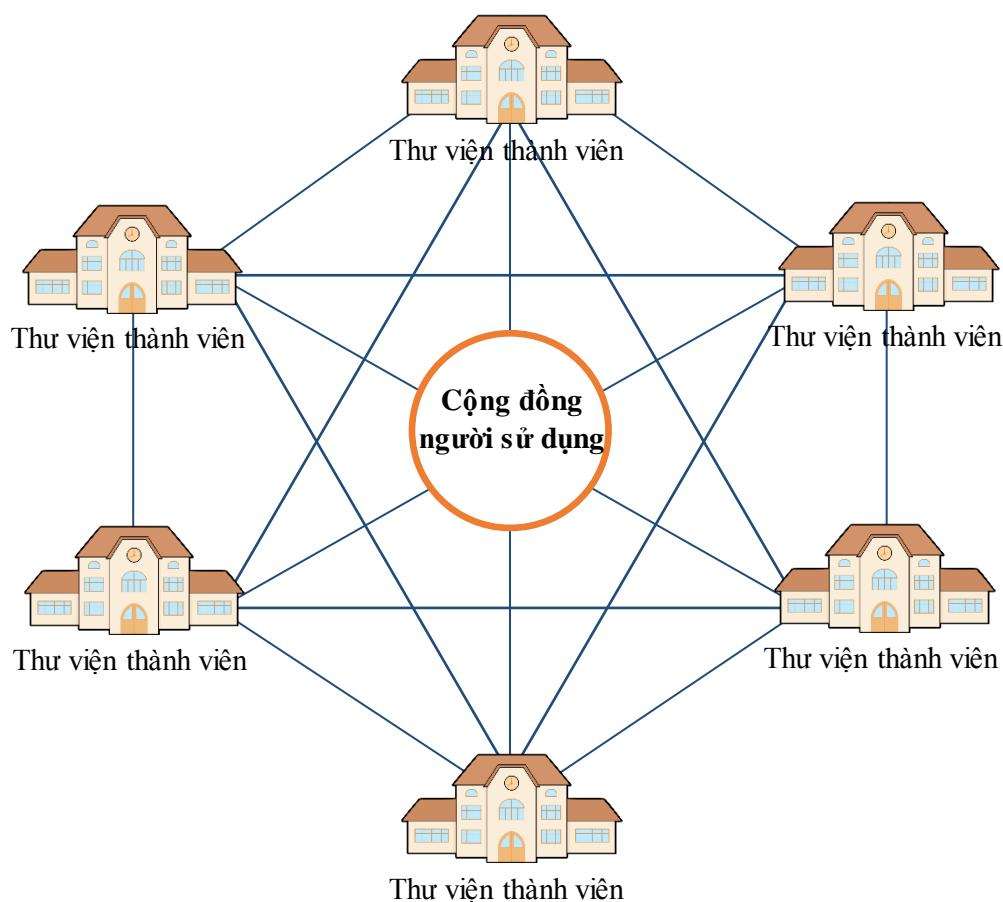
Tuy nhiên nhược điểm của mô hình này là tốt kém, có thể phải xây dựng cả một hệ thống lớn để đáp ứng nhu cầu của các thư viện thành viên. Thêm nữa, nếu như có xảy ra sự cố tại trung tâm, cả hệ thống sẽ bị ảnh hưởng. Và nếu một thư viện thành viên không tham gia, sẽ gây ảnh hưởng đến các thư viện khác.

Đối với người sử dụng thư viện, mô hình này tối ưu là vì người dùng được sử dụng một cách dễ dàng các dịch vụ của tất cả các thư viện trong hệ thống mà không gặp bất kỳ trở ngại nào. Chỉ cần đăng ký sử dụng tại một thư viện, người dùng có thể sử dụng các tài nguyên và dịch vụ của các thư viện khác nằm trong phạm vi hợp tác đã được ký kết. Họ không phải mất thời gian chờ đợi thư viện cấp thẻ xử lý yêu cầu thông tin, thay vào đó họ được khai thác trực tiếp nguồn tài nguyên hoặc được phục vụ trực tiếp bởi thư viện họ cần thông tin.

Đối với các thư viện thì mô hình này chứa đựng những thách thức rất lớn. Mô hình này đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ trong việc chia sẻ trách nhiệm xây dựng tài nguyên thông tin giữa các thư viện, đồng thời yêu cầu sự cam kết cao giữa các thư viện trong việc cung cấp các dịch vụ và phục vụ người dùng chung của hệ thống. Điều này thực sự khó trong bối cảnh hiện nay. Có lẽ đây là mô hình lý tưởng nhưng khó thực hiện. Tuy nhiên có thể áp dụng ở những mức độ khác nhau như hợp tác một phần đến hợp tác toàn phần. Điều này phụ thuộc vào nhận thức và quyết tâm của mỗi thư viện thành viên trong hệ thống.

## 5.2. Mô hình phân tán - Decentralised model

Trong mô hình hợp tác phân tán, mỗi thư viện đóng vai trò là một mắt xích trong chuỗi các nhà dịch vụ cho người dùng thông tin. Mỗi một thư viện là một đơn vị cung cấp thông tin độc lập và sẽ tiến hành phục vụ liên thư viện khi có yêu cầu từ phía thư viện trong hệ thống hoặc từ phía người sử dụng. Điểm mấu chốt ở đây là không có cơ sở dữ liệu dùng chung hay công khai thác thông tin chung, thay vào đó các thư viện cung cấp các cơ sở dữ liệu, thông tin và dịch vụ của mình thông qua website riêng của từng thư viện. Các thư viện thỏa thuận hợp tác hỗ trợ phục vụ người dùng trong hệ thống khi có yêu cầu (*xem Hình 3*).



Hình 3. Mô hình chia sẻ và khai thác thông tin phân tán



Đặc điểm của mô hình này là tính hợp tác, tính chịu trách nhiệm không cao. Các thư viện có thể ký thỏa thuận hợp tác, tuy nhiên việc triển khai sẽ phụ thuộc vào mỗi một thư viện. Các thư viện sẽ xây dựng các dịch vụ liên thư viện cũng như phục vụ người dùng ngoài thư viện tùy thuộc vào năng lực và chính sách riêng của mình.

Ưu điểm của mô hình phân tán là: việc đầu tư không lớn, có thể sử dụng hạ tầng công nghệ sẵn có tại mỗi thư viện và bổ sung nâng cấp thêm dần; sự phụ thuộc giữa các thư viện không cao, do vậy khi có sự cố tại một thư viện hay một thư viện nào đó rút khỏi hệ thống thì các thư viện khác vẫn tiếp tục hoạt động; công việc quản lý được phân đều cho các thư viện.

Về nhược điểm, dĩ nhiên mô hình này không có được những ưu điểm của mô hình tập trung. Nó tiềm tàng một sự tan rã nếu như các thư viện không có sự cam kết mạnh mẽ. Người dùng gặp khó khăn khi muốn sử dụng dịch vụ liên thư viện.

Đối với thư viện, mô hình này dễ dàng thực hiện và đưa vào triển khai. Thể hiện rõ nhất đó là chỉ ký cam kết tham gia hợp tác phục vụ là một thư viện có thể trở thành một thành viên của hệ thống mà không cần bất kỳ một sự nâng cấp, thay đổi nào trong chính thư viện đó. Để thuận lợi cho người dùng thì một trong những yêu cầu về công nghệ trong mô hình này là cho phép tìm kiếm liên thư viện. Ít nhất người dùng cũng không cần phải vào từng thư viện thành viên để tra cứu, thay vào đó họ sử dụng một website duy nhất của thư viện để tìm kiếm đến các nguồn thông tin khác nhau.

Đối với người dùng, tất nhiên mô hình này không tiện lợi như mô hình tập trung. Người dùng phải thông qua thư viện của mình mới khai thác được đến các nguồn tài liệu của các thư viện khác. Đôi khi người dùng không biết mình có khả năng/quyền được khai thác tài nguyên và sử dụng dịch vụ ở những thư viện nào. Tóm lại việc khai thác thông tin mang tính gián tiếp và gặp phải những rào cản đáng kể bởi những chính sách cụ thể cũng như sự sẵn sàng phục vụ của mỗi thư viện.

## **6. Đề xuất và kết luận**

### ***Đề xuất mô hình***

Xét trong trong điều kiện hiện tại của các trường đại học Việt Nam, với những yếu tố tác động tích cực và tiêu cực đến hoạt động chia sẻ thông tin chúng tôi đề xuất áp dụng ***mô hình phân tán*** là phù hợp. Mô hình này cũng được phần lớn các thư viện đại học, các hiệp hội thư viện trên thế giới áp dụng. Mô hình này áp dụng tại Việt Nam vì những lý do sau:

- Tính liên kết của các thư viện đại học Việt Nam không cao.
- Cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, các nguồn thông tin và dịch vụ chưa đồng đều giữa các thư viện.
- Vai trò của các hiệp hội chưa cao, như vậy đang thiếu sự dẫn dắt thực sự trong việc hợp tác và chia sẻ.
- Mô hình này tạo “hành lang” dễ dàng cho các thư viện sẵn sàng hợp tác mà không gặp trở ngại nào. Các thư viện sẽ sẵn sàng tham gia nếu như không có những yêu cầu ràng buộc trách nhiệm quá cụ thể.

- Đầu tư cho các thư viện không lớn, nếu áp dụng mô hình phân tác chủ yếu các thư viện sẽ hợp tác trên những sản phẩm và dịch vụ mình đang có mà không phải đầu tư mới, điều này có tính thực tế cao hơn.

### ***Đề xuất dịch vụ***

*Mượn liên thư viện (Interlibrary loan):* đây là dịch vụ quan trọng và cơ bản nhất của hợp tác liên thư viện. Thông qua dịch vụ này một người dùng ở một thư viện có thể được mượn sách hoặc nhận bản sao tài liệu đang sở hữu bởi một thư viện khác. Dịch vụ này có thể làm *tự động* thông qua phần mềm chuyên nghiệp và tuân theo chuẩn quốc tế như ISO 10160, ISO 10161-1 và ISO 10161-2 (với giao thức mượn liên thư viện PICS - Protocol Implementation Conformance Statement); hoặc có thể làm *thủ công* thông qua điện thoại hoặc email.

*Dịch vụ thông tin tham khảo số (Collaborative Digital Reference Service):* Các thư viện thúc đẩy các dịch vụ thông tin tham khảo trực tuyến, hỗ trợ người dùng sử dụng các nguồn tài nguyên của thư viện thông công nghệ số. Hiện nay thư viện Quốc hội Mỹ đang là đơn vị dẫn đầu Mạng thông tin tham khảo toàn cầu -Global Reference Network (GRN) với mục tiêu phát triển dịch vụ thông tin tham khảo số và xây dựng các chính sách hợp tác liên thư viện. Thư viện Quốc hội Mỹ phối hợp với OCLC để triển khai các xây dựng các bộ sưu tập truy cập mở cho người dùng và triển khai các chương trình hỗ trợ các thư viện và cán bộ thư viện.

*Mục lục liên hợp (Union catalogue - UC):* UC là một trong những yếu tố quan trọng trong hợp tác chia sẻ học liệu. Trung tâm thư viện máy tính trực tuyến - OCLC (Online Computer Library Center) hiện có 2 tỷ biểu ghi thư mục kết nối hơn 74.000 thư viện trên thế giới (OCLC, 2014). Với hệ thống mục lục liên hợp, OCLC đã hỗ trợ hàng triệu lượt người dùng mượn liên thư viện trên thế giới. Đây chính là động lực cho thư viện đại học Việt Nam trong việc hợp tác xây dựng mục lục liên hợp.

*Hợp tác mua học liệu số theo nhóm (Consortium):* Nguồn học liệu số của các đơn vị cung cấp nước ngoài luôn là nguồn học liệu có chất lượng tốt, được các trường đại học thế giới tin dùng. Tuy nhiên phí truy cập/bản quyền luôn là rào cản lớn đối với các thư viện đại học Việt Nam. Việc cùng hợp tác và mua quyền truy cập theo nhóm sẽ giúp các thư viện tiếp cận được nhiều nguồn thông tin hơn với chi phí rẻ hơn rất nhiều lần. Hầu hết các nhà cung cấp dữ liệu đều có chính sách khuyến khích mua bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu theo nhóm dành cho các thư viện. Có thể lấy ví dụ như sau: tạp chí Science của nhà xuất bản AAAS - The American Association for the Advancement of Science bán bản quyền truy cập 1 năm cho 1 đơn vị với giá \$15.000. Tuy nhiên nếu mua theo nhóm 10 thành viên giá giảm xuống là \$1,200/năm/đơn vị, nếu như nhóm là 30 thành viên thì giá chỉ còn \$800/năm/đơn vị (iGroup (2014)).

*Hợp tác xây dựng tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources - OER):* Tài nguyên giáo dục mở được coi là xu hướng chủ đạo của giáo dục đại học trong thế kỷ 21. OER được coi là công cụ để đổi mới và nâng chất lượng giáo dục đại học, thực hiện triết lý về bình đẳng giáo dục cho tất cả mọi người, và tri thức cần được chia sẻ và sử dụng rộng rãi. Với việc hợp tác xây dựng OER, các thư viện đại học hàng năm sẽ tiết kiệm được khoản khinh phí đầu tư về giáo trình, bài giảng. Nguồn tài nguyên sẽ được nhân lên nếu các thư viện phối hợp phát triển, điều này tránh trùng lặp

và tránh lãng phí về kinh phí đầu tư học liệu. Đồng thời các tài nguyên giáo dục luôn được cập nhật và chất lượng ngày càng cải thiện khi có sự phản biện của cộng đồng sử dụng.

### ***Kết luận***

Hợp tác chia sẻ tài nguyên thông tin là xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển và hội nhập của các thư viện đại học Việt Nam. Có thể thấy việc hợp tác này bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố cả tích cực lẫn rào cản. Cần phát huy những yếu tố tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực/rào cản để các thư viện hợp tác chia sẻ tài nguyên thông tin một cách thuận lợi. Trong bối cảnh hiện tại, mô hình hợp tác phân tán là mô hình khả thi nhất. Để triển khai được sự hợp tác này, vai trò của Hội thư viện Việt Nam, các liên chi hội các trường đại học và của Bộ Giáo dục và Đào tạo là rất quan trọng. Các tổ chức này sẽ dẫn dắt, đưa ra quy chế và chính sách để thúc đẩy hợp tác giữa các thư viện đại học Việt Nam.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Alberta (2009). Provincial Resource Sharing Network Policy for Alberta Public Library Boards. Truy cập từ <http://open.alberta.ca/publications/6554304>
- Bailey-Hainer, B; Beaubien, A; Posner, B. and Simpson, E. (2014). Rethinking library resource sharing: new models for collaboration. *Interlending & Document Supply*, Vol. 42 Iss 1 pp. 7 – 12. <http://www.emeraldinsight.com/doi/pdfplus/10.1108/ILDS-12-2013-0038>
- Ban Chấp hành Trung ương khóa XI. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, ban hành ngày 4/11.
- Đỗ, V.H. (2015a). Vai trò của thư viện số trong môi trường học tập trực tuyến và chia sẻ học liệu. *Tạp chí Thông tin – Tư liệu*. 6, tr. 3-11.
- Đỗ, V.H. (2015b). Hợp tác chia sẻ học liệu – giải pháp tăng cường nguồn lực thông tin cho thư viện đại học Việt Nam. *Tạp chí Thư viện Việt Nam*. 3(53), tr. 3-9.
- Francis, A. T. (2005). *Library consortia model for country wide access of electronic journals and databases*. In International Conference on Multilingual Computing and Information Management in Networked Digital Environment, Cochin (India), 2-4 February 2005. [Conference paper] <https://core.ac.uk/download/pdf/11879043.pdf>
- Hussaini, A., Owoeye, J.E.& Anasi, S.N.I. (2010). Resource sharing among law libraries: An imperative for legal research and the administration of justice in Nigeria. *Library Philosophy and Practice*. Truy cập từ <http://www.webpages.uidaho.edu/~mbolin/ali-owoeye-anasi.htm>.
- iGroup (2014) Giải pháp chia sẻ nguồn tin điện tử cho các thành viên thuộc liên hiệp thư viện các trường đại học phía Bắc. *Tài liệu trình bày tại hội thảo “Hoạt động thông tin - thư viện với vấn đề đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam”*, tại Đại học Vinh, Nghệ An.
- Kesner, R. M. (1994). The library as information center: a utility model for information resource management and support. *Library Trends*, 42, 373-394.

- Rabiu, A. M.& Obaje , A. (2012). The roles of library and librarian in information resource sharing in the emerging information society. *Information and Knowledge Management*. 2 (7), pp. 79-85.
- Rahman, L. (2006). Resource Sharing: Management of Information. In Ikpahindi (2006) *Resource sharing in cataloguing, bibliographic, and indexing services in an Information and Communication Technology (ICT) age*. Paper presented at the 26th Annual Cataloguing, Classification and Indexing Seminar/Workshop, Abeokuta.
- Pavani, A.M.B. (2007) The role of digital libraries in higher education. *International Conference on Engineering Education – ICEE*. Truy cập từ <http://ineerweb.osanet.cz/Events/ICEE2007/papers/637.pdf>
- Quacquarelli Symonds. (2016). QS World University Rankings 2016-2017 <http://www.topuniversities.com/university-rankings/world-university-rankings/2016>
- OCLC (2014). *OCLC WorldCat*. Truy cập từ <http://www.oclc.org/worldcat.en.html>
- Okeagu, G., Okeagu, B., (2008). *Networking and resource sharing in Library and Information Services : the case for consortium building*. United Kingdom : Information, Society & Justice. From [www.fhpotsdam.de/~IFLA/INSPEL/01-1kasu.pdf](http://www.fhpotsdam.de/~IFLA/INSPEL/01-1kasu.pdf).
- UEL. (2016). *Dịch vụ mượn liên thư viện*. Truy cập tại <http://lib.uel.edu.vn/ArticleId/b9ca9d7c-e961-436f-a2cc-2ee377dad416/dich-vu-muon-lien-thu-vien>
- UNESCO. (2016). *Open educational resources*. Truy cập tại <http://www.unesco.org/new/en/communication-and-information/access-to-knowledge/open-educational-resources>.
- Tổng cục Thống kê. (2016). *Số liệu thống kê giáo dục đại học và cao đẳng*. Truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=722>.
- Vijayakumar Y.J. & Shrikant G. K. (2014) *Resource sharing in e-environment: A Study of P.M.N.M. Dental College and Hospital Library, Bagalkot*. (tài liệu trực tuyến).
- Wang Xianyan and Peng Yafei, Library Management structure model under Information Resources Sharing. *2012 International Conference on Information Management, Innovation Management and Industrial Engineering*, Sanya, 2012, pp. 159-162.
- Walden, B.L. 1999. *Resource sharing among North American libraries, past, present and future: A model for experts?* Truy cập: <http://www.stub.uni.frankfurt.de/messe/proceedings/Walden.htm>
- Witten, I. H. & Bainbridge, D. (2005). *How to build a digital library*. San Francisco: Morgan Kaufmann.